BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ IPA

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3.	Báo cáo của kiểm toán độc lập	5
4.	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	6 - 9
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014	10
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014	11- 12
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014	13 - 41

****

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn A&C.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu Tư IPA, trước đây là Công ty TNHH Dịch Vụ Giao Nhận Hàng Hóa VTS Hà Nội, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 042493 ngày 9 tháng 3 năm 1998 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 3 lần được Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do các thay đổi về ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ và đổi tên Công ty, trong đó, ngày 16 tháng 9 năm 2005 Công ty đổi tên từ Công ty TNHH Dịch Vụ Giao Nhận Hàng Hóa VTS Hà Nội thành Công ty TNHH Dịch Vụ Hậu Cần VTS; ngày 30 tháng 3 năm 2007 đổi tên thành Công ty TNHH Đầu Tư và Tài Chính IPA. Ngày 28 tháng 12 năm 2007, Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu Tư IPA theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021608 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hà Nội cấp cùng ngày. Ngày 31 tháng 12 năm 2007, Công ty chính thức nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu Tư IPA theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hà Nội cấp cùng ngày.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 600.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ	: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại	: (04) 39 410 510
Fax	: (04) 39 410 500
Web site	: ipa.com.vn
Mã số thuế	: 0 1 0 0 7 7 9 6 9 3

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Số 93-95 Phó Đức Chính – Phường Nguyễn Thái Bình – Quận 1 – Thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là :

- Tư vấn đầu tư, tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp, nghiên cứu thị trường, phân tích thị trường, tư vấn và quản lý kinh doanh, quản trị doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Kinh doanh bất động sản;
- Cung cấp giải pháp công nghệ phần mềm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng;
- Xây dựng nhà máy điện và kinh doanh điện thương phẩm;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, kinh doanh khu du lịch, khu vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Lữ hành quốc tế, lữ hành nội địa;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư thực hiện việc mua, bán doanh nghiệp;
- Tư vấn cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Tư vấn cung cấp giải pháp công nghệ điện tử và thông tin thị trường (trừ thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra);
- Tư vấn chiến lược truyền thông;
- Môi giới, xúc tiến thương mại;
- Dịch vụ nghiên cứu phát triển thị trường;
- Dịch vụ quản lý dự án;

- Dịch vụ quan hệ công chúng;
- Quảng cáo thương mại và quảng cáo phi thương mại;
- Vận tải hàng hóa, vận tải hành khách bằng xe ô tô;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

- Để cơ cấu lại các khoản đầu tư trong Tập đoàn, trong năm Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần khoản góp vốn điều lệ vào các Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Gang Thép Kim Sơn (đổi tên từ Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Luyện Kim Vạn Lợi – Bắc Kạn), Công ty Cổ phần Dược Phẩm ECO, 1.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Lọc Hóa Dầu Nam Việt và Công ty Cổ phần Giải Pháp Phần Mềm Tài Chính cho Công ty TNHH MTV Tài Chính IPA; chuyển nhượng 350.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Du Lịch Bình Định cho Công ty TNHH MTV Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán IPA (xem thuyết minh số V.14, V.16)

- Công ty đã đăng ký mua 1.500.000 cổ phiếu phát hành thêm của Công ty Cổ phần Thực Phẩm Homefood, nâng tỷ lệ sở hữu đăng ký từ 40% lên thành 89,86% và phân loại khoản đầu tư này thành đầu tư vào Công ty con IPA (xem thuyết minh số V.14).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 42).

Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 ngày 31 tháng 7 năm 2014 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2013 bằng tiền với tỷ lệ 5% vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2013. Trong năm 2014 Công ty đã thanh toán cổ tức 5.566.269.000 VND.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Hiền	Chủ tịch	28/12/2007	-
Bà Phạm Minh Hương	Thành viên	28/12/2007	-
Bà Đỗ Thanh Hương	Thành viên	31/07/2013	-
Ông Vũ Hoàng Việt	Thành viên	31/07/2013	-
Bà Lê Thị Hương Mai	Thành viên	31/07/2013	-

Nhiệm kỳ của các thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2013.

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc	Thành viên	31/07/2013	-
Bà Nguyễn Thị Phương Hoa	Thành viên	31/07/2013	-
Ông Vương Văn Tường	Thành viên	31/07/2013	-

Nhiệm kỳ của các thành viên Ban kiểm soát là 05 năm kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2013.

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Hoàng Việt	Giám đốc tài chính	01/8/2013	-

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Hội đồng quản trị đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu Tư IPA tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A

Vũ Hiền
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

Ngày 28 tháng 3 năm 2015

BAKER TILLY
A&C
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 213/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ IPA

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu Tư IPA, được lập ngày 24 tháng 3 năm 2015, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc số liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu Tư IPA tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội

CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C TẠI HÀ NỘI

Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Nguyễn Thị Kim Hồng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1513-2013-008-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**56.054.375.471**	**82.743.597.611**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**V.1**	**20.353.344.526**	**9.358.483.842**
1.	Tiền	111		13.053.344.526	1.358.483.842
2.	Các khoản tương đương tiền	112		7.300.000.000	8.000.000.000
II.	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**17.069.474.463**	**67.360.719.231**
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	109.273.835.076	131.839.184.748
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(92.204.360.613)	(64.478.465.517)
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**18.206.085.275**	**5.199.219.511**
1.	Phải thu khách hàng	131		-	16.500.000
2.	Trả trước cho người bán	132	V.4	2.778.605.049	2.783.242.038
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.5	54.927.480.226	41.899.477.473
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(39.500.000.000)	(39.500.000.000)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**-**	**-**
1.	Hàng tồn kho	141		-	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**425.471.207**	**825.175.027**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	62.486.761	15.833.577
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		60.494.865	555.876.865
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	57.285.419	57.285.419
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	245.204.162	196.179.166

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**1.137.817.103.899**	**1.268.003.716.139**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**15.739.459.797**	**16.995.180.479**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	4.656.196.771	5.600.903.263
	Nguyên giá	*222*		*11.841.071.187*	*11.841.071.187*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(7.184.874.416)*	*(6.240.167.924)*
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	*225*		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	Nguyên giá	*228*	V.11	*1.502.155.950*	*1.502.155.950*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(1.502.155.950)*	*(1.502.155.950)*
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	11.083.263.026	11.394.277.216
III.	**Bất động sản đầu tư**	**240**	**V.13**	**47.312.884.072**	**47.501.929.288**
	Nguyên giá	241		48.613.329.251	48.613.329.251
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.300.445.179)	(1.111.399.963)
IV.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**1.074.279.772.148**	**1.203.480.945.648**
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.14	1.031.141.218.393	1.005.280.818.996
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	40.963.103.217	189.085.381.503
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	53.972.363.203	62.475.863.571
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.17	(51.796.912.665)	(53.361.118.422)
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**484.987.882**	**25.660.724**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	484.987.882	25.660.724
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.19	-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**1.193.871.479.370**	**1.350.747.313.750**

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**224.524.601.725**	**354.433.317.071**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**224.524.601.725**	**354.433.317.071**
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	144.049.730.576	304.619.730.576
2.	Phải trả người bán	312	V.21	83.073.175	203.193.524
3.	Người mua trả tiền trước	313		-	-
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	223.566.361	318.998.011
5.	Phải trả người lao động	315		-	-
6.	Chi phí phải trả	316	V.23	73.926.111	73.926.111
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	80.094.305.502	49.217.468.849
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		-	-
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B -	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**969.346.877.645**	**996.313.996.679**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**969.346.877.645**	**996.313.996.679**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	600.000.000.000	600.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	370.867.003.490	370.867.003.490
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414	V.25	(35.861.096.800)	(35.861.096.800)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	34.340.970.955	61.308.089.989
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.193.871.479.370**	**1.350.747.313.750**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		794.871.561	794.871.561
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2015

Phan Thị Mến	Nguyễn Thị Thu Thủy	Vũ Hiền
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
		Người đại diện theo pháp luật

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	514.909.091	583.084.273
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	514.909.091	583.084.273
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.668.000	-
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		513.241.091	583.084.273
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	41.079.756.121	18.898.079.195
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	34.404.873.424	6.429.676.291
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.873.976.201	9.017.290.091
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	5.056.511.532	5.267.115.717
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.131.612.256	7.784.371.460
11.	Thu nhập khác	31		243	-
12.	Chi phí khác	32		5.281.533	-
13.	Lợi nhuận khác	40		(5.281.290)	-
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.126.330.966	7.784.371.460
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	-	-
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.126.330.966	7.784.371.460
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6		

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A

Phan Thị Mến	Nguyễn Thị Thu Thủy	Vũ Hiền
Người lập biểu	Phụ trách kế toán	Chủ tịch Hội đồng quản trị Người đại diện theo pháp luật

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	*Lợi nhuận trước thuế*	*01*		*2.126.330.966*	*7.784.371.460*
2.	*Điều chỉnh cho các khoản:*				
-	Khấu hao tài sản cố định	02	VII.1	705.328.175	514.520.186
-	Các khoản dự phòng	03		26.161.689.339	(2.662.920.211)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(37.808.078.266)	(18.873.612.595)
-	Chi phí lãi vay	06		6.873.976.201	9.017.290.091
3.	*Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*	*08*		*(1.940.753.585)*	*(4.220.351.069)*
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		252.889.773	638.072.832
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		260.127.453	(13.547.647.326)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(194.966.152)	29.505.826
-	Tiền lãi vay đã trả	13		-	(1.231.618.715)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*		*(1.622.702.511)*	*(18.332.038.452)*
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(311.014.190)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(10.147.450.000)	(3.130.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2,V.15, V.16	25.139.950.000	25.893.186.894
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.14	(13.842.210.000)	(350.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.17	7.648.700.000	6.024.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.384.842.195	11.105.675.820
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*		*23.183.832.195*	*39.231.848.524*

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.20	(5.000.000.000)	(5.302.204.016)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.25	(5.566.269.000)	(8.906.030.400)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(10.566.269.000)***	***(14.208.234.416)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**10.994.860.684**	**6.691.575.656**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**9.358.483.842**	**2.666.908.186**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại t	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**V.1**	**20.353.344.526**	**9.358.483.842**

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A

Phan Thị Mến	Nguyễn Thị Thu Thủy	Vũ Hiền
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
		Người đại diện theo pháp luật

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ đầu tư tài chính

3. **Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ** : Đầu tư tài chính

4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 11 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 11 nhân viên).

5. **Đặc điểm hoạt động trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**

- Để cơ cấu lại các khoản đầu tư trong Tập đoàn, trong năm Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần khoản góp vốn điều lệ vào các Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Gang Thép Kim Sơn (đổi tên từ Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Luyện Kim Vạn Lợi – Bắc Kạn), Công ty Cổ phần Dược Phẩm ECO, 1.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Lọc Hóa Dầu Nam Việt và Công ty Cổ phần Giải Pháp Phần Mềm Tài Chính cho Công ty TNHH MTV Tài Chính IPA; chuyển nhượng 350.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Du Lịch Bình Định cho Công ty TNHH MTV Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán IPA (xem thuyết minh số V.14, V.16).

- Công ty đã đăng ký mua 1.500.000 cổ phiếu phát hành thêm của Công ty Cổ phần Thực Phẩm Homefood, nâng tỷ lệ sở hữu đăng ký từ 40% lên thành 89,86% và phân loại khoản đầu tư này thành đầu tư vào Công ty con IPA (xem thuyết minh số V.14).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC

ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Máy móc và thiết bị	03 – 09
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 10

5. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Bất động sản là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Bất động sản đầu tư là nhà cửa, vật kiến trúc khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 25 năm.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 04 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với chứng khoán không thu thập được giá giao dịch trên thị trường thì không lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế

và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí khác

Các chi phí khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty/ từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.5.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực

tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu
Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp
Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	13.053.344.526	1.358.483.842
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng)	7.300.000.000	8.000.000.000
Cộng	**20.353.344.526**	**9.358.483.842**

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		633.235.330		606.085.002
- *Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội*	*27.889*	*371.860.004*	*27.889*	*371.860.004*
- *Công ty Cổ phần Colusa Miliket*	*17.350*	*234.224.998*	*17.350*	*234.224.998*
- *Công ty Cổ phần Du Lịch Bình Định*	2.390	*27.150.328*	-	-
Các khoản cho vay ngắn hạn		108.640.599.746		131.233.099.746
- *Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Gang Thép Kim Sơn (đổi tên từ Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Luyện Kim Vạn Lợi – Bắc Kạn)*		*95.275.228.000*		*95.367.728.000*
- *Công ty Cổ phần Năng Lượng Bắc Hà*		*11.581.923.233*		*30.981.923.233*
- *Công ty Cổ phần Đầu Tư Hải Phòng*		*1.000.000.000*		-
- *Công ty Cổ phần An Viên Hội An*		*450.000.000*		*450.000.000*
- *Cán bộ công nhân viên*		*333.448.513*		*333.448.513*
- *Công ty Cổ phần Tập Đoàn và Đầu Tư Thương Mại Thanh Tùng*		-		*1.800.000.000*
- *Công ty Cổ phần Thực Phẩm Homefood*		-		*2.300.000.000*
Cộng		**109.273.835.076**		**131.839.184.748**

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Khoản đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Du Lịch Bình Định được phân loại lại từ khoản đầu tư dài hạn khác (xem thuyết minh số V.16);
- Công ty thu hồi khoản cho Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Gang Thép Kim Sơn, Công ty Cổ phần Năng Lượng Bắc Hà và Công ty Cổ phần Tập Đoàn và Đầu Tư Thanh Tùng vay với số tiền lần lượt là 92.500.000 VND, 19.400.000.000 VND và 1.800.000.000 VND;
- Công ty cho Công ty Cổ phần Đầu Tư Hải Phòng vay 5.823.725.000 VND và thu hồi nợ gốc vay 4.823.725.000 VND;
- Công ty tiếp tục cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Homefood vay 3.500.000.000 VND và cấn trừ số dư nợ gốc vay, số tiền 5.800.000.000 VND, cùng với nợ phải thu lãi cho vay góp vốn điều lệ (xem thuyết minh số V.14).

3. Dự phòng giảm đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	206.684.100	238.294.502
Dự phòng khoản cho người lao động vay	333.448.513	109.761.415
Dự phòng khoản cho Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Gang Thép Kim Sơn vay	91.664.228.000	64.130.409.600
Cộng	**92.204.360.613**	**64.478.465.517**

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	64.478.465.517	46.089.454.216
Số trích bổ sung	27.802.127.898	16.150.945.600
Hoàn nhập dự phòng	(76.232.802)	(32.534.299)
Số cuối năm	**92.204.360.613**	**62.207.865.517**

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản	2.659.560.000	2.659.560.000
Trả trước cho hoạt động kinh doanh	119.045.049	123.682.038
Cộng	**2.778.605.049**	**2.783.242.038**

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	5.400.000	34.513.889
Công ty Cổ phần Dương Việt Nhật	32.500.000.000	32.500.000.000
thu Công ty Cổ phần Việt An - khoản ký quỹ mua cổ phiếu	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty TNHH MTV Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khóan IPA - Phải thu lợi nhuận	13.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khóan IPA - Phải thu khác	-	9.402.076
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu	-	10.092.450
Công ty Cổ phần Năng Lượng Bắc Hà	-	27.349.064
Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Lũng Xuân	1.502.193.209	1.452.193.209
Công ty Cổ phần Tư Vấn Quản Trị Tài Chính IPA	-	5.500.000
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Vndirect	771.300.056	641.181.389
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Homefood – phải thu khác	9.145.720	70.543.508
Các khoản phải thu khác	139.441.241	148.701.888
Cộng	**54.927.480.226**	**41.899.477.473**

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu Công ty Cổ phần Dương Việt Nhật	32.500.000.000	32.500.000.000
Dự phòng khoản ký quỹ, ký cược phải thu Công ty Cổ phần Việt An	7.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	**39.500.000.000**	**39.500.000.000**

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	19.304.940	15.833.577
Chi phí thuê văn phòng	43.181.821	-
Cộng	**62.486.761**	**15.833.577**

8. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

9. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản tạm ứng cho người lao động trong Công ty.

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	-	2.896.698.139	1.799.136.460	7.145.236.588	11.841.071.187
Phân loại lại	7.101.610.448	(966.698.139)	-	(6.134.912.309)	-
Số cuối năm	**7.101.610.448**	**1.930.000.000**	**1.799.136.460**	**1.010.324.279**	**11.841.071.187**
Trong đó:					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	-	1.383.681.915	1.010.324.279	2.394.006.194
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-	1.014.947.938	1.394.068.278	3.831.151.708	6.240.167.924
Khấu hao trong năm	-	192.999.796	41.545.452	710.161.244	944.706.492
Phân loại lại	4.497.686.612	(966.697.939)	-	(3.530.988.673)	-
Số cuối năm	**4.497.686.612**	**241.249.795**	**1.435.613.730**	**1.010.324.279**	**7.184.874.416**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	1.881.750.201	405.068.182	3.314.084.880	5.600.903.263
Số cuối năm	**2.603.923.836**	**1.688.750.205**	**363.522.730**	**-**	**4.656.196.771**
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng		-	-	-	-
Đang chờ thanh lý		-	-	-	-

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Dự án Khu sinh thái Lũng Xuân	5.518.545.455	-		5.518.545.455
Dự án Tòa nhà văn phòng tại Tp.HCM	5.564.717.571	-		5.564.717.571
Chi phí cải tạo văn phòng 01 Nguyễn Thượng Hiền	311.014.190	-	(311.014.190)	-
Chi phí cải tạo văn phòng 19 Trúc Khê	-	228.384.728	(228.384.728)	-
Cộng	**11.394.277.216**	**228.384.728**	**(539.398.918)**	**11.083.263.026**

13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	43.847.055.000	4.766.274.251	48.613.329.251
Số cuối năm	**43.847.055.000**	**4.766.274.251**	**48.613.329.251**
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	1.111.399.963	1.111.399.963
Khấu hao trong năm	-	189.045.216	189.045.216
Số cuối năm	**-**	**1.300.445.179**	**1.300.445.179**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	43.847.055.000	3.654.874.288	47.501.929.288
Số cuối năm	**43.847.055.000**	**3.465.829.072**	**47.312.884.072**

Doanh nghiệp chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư. Danh mục bất động sản đầu tư tại thời điểm cuối năm như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất lâu dài tại quận P.Cẩm Châu – Thị xã Hội An – Tỉnh Quảng Nam	4.515.000.000	-	4.515.000.000
Quyền sử dụng đất lâu dài tại 223 Trường Chinh – P.An Khê – Q.Thanh Khê - TP Đà Nẵng	39.332.055.000	-	39.332.055.000
Nhà The Manor: Căn hộ B-0408 tại Cao ốc Manor – số 91 Nguyễn Hữu Cảnh – Q.Bình Thạnh– TP. Hồ Chí Minh	4.766.274.251	1.300.445.179	3.465.829.072
Cộng	**48.613.329.251**	**1.300.445.179**	**47.312.884.072**

14. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH Một thành viên Tài chính IPA [(a)]		568.298.850.000		568.298.850.000
Công ty TNHH Một thành viên Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán IPA [(b)]		50.000.000.000		50.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Học Viện Tài Chính IPA [(c)]		361.160.000		361.160.000
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu [(d)]	11.616.831	168.028.310.000	10.052.610	151.526.100.000
Công ty Cổ phần Năng Lượng Bắc Hà [(e)]	22.321.903	224.358.875.266	22.321.903	224.358.875.266
Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Lũng Xuân [(f)]	818.583	8.185.833.730	818.583	8.185.833.730
Công ty Cổ phần Tư Vấn Quản Trị Tài Chính IPA [(g)]	255.000	2.550.000.000	255.000	2.550.000.000
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Homefood [(h)]	935.819	9.358.189.397		-
Cộng		**1.031.141.218.393**		**1.005.280.818.996**

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102009425 ngày 17 tháng 7 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Tài chính IPA 500.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 100% vốn điều lệ với giá trị đầu tư là 568.298.850.000 VND.

(b) Theo Giấy phép số 30/UBCK-GP ngày 04 tháng 3 năm 2009 do Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán IPA 50.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

(c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104005776 ngày 20 tháng 3 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Học Viện Tài Chính IPA 10.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 361.160.000 VND, tương đương 3,6% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Học Viện Tài Chính IPA là 9.638.840.000 VND.

(d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001308 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 02 tháng 02 năm 2007, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu 9.032.610 cổ phiếu, tương ứng 90.326.100.000 VND (tương đương 51% vốn điều lệ). Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên thành 222.110.000.000 VND, số vốn tăng thêm được phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ nắm giữ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp 116.168.310.000 VND với giá trị đầu tư là 168.028.310.000 VND, chiếm tỷ lệ 55,97% vốn điều lệ đã góp của Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu.

(e) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000116 thay đổi lần thứ 2 ngày 30 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Lào Cai cấp, Công ty đăng ký sở hữu 23,14% vốn điều lệ

của Công ty Cổ phần Năng Lượng Bắc Hà, tương đương 64.800.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 223.219.034.834 VND (tương đương 73,86% vốn điều lệ đã đầu tư) với giá trị đầu tư là 224.358.875.266 VND.

(f) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 251031000075 ngày 29 tháng 02 năm 2008 do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Hòa Bình cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Lũng Xuân 36.200.000.000 VND, tương đương 40,22% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 8.185.833.730 VND, tương đương 100% vốn điều lệ đã góp của Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Lũng Xuân, số còn phải đầu tư là 28.014.166.270 VND.

(g) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0104368486 ngày 04 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tư vấn Quản trị Tài chính IPA 2.550.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.

(h) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104288054 thay đổi lần thứ 2 ngày 22 tháng 6 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Thực Phẩm Homefood 40% vốn điều lệ.

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 24/2014/BB-ĐHCĐ ngày 31/12/2014, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thực Phẩm Homefood đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty từ 5 tỷ đồng lên thành 20 tỷ đồng. Toàn bộ phần vốn huy động thêm được phát hành cho Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu Tư IPA. Sau khi tăng vốn điều lệ lên thành 20 tỷ, tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu Tư IPA là 89,86%. Do đó, Công ty phân loại khoản đầu tư này thành đầu tư vào Công ty con.

Trong đợt 1, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu Tư IPA đã góp bổ sung vốn điều lệ là 6.385.911.111 VND (bằng cấn trừ khoản nợ gốc vay, lãi vay mà Công ty Cổ phần Thực Phẩm Homefood còn phải thanh toán cho Công ty). Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp 9.358.189.397 VND tương ứng 82,19% vốn điều lệ đã góp của Công ty Cổ phần Thực Phẩm Homefood.

Công ty Cổ phần Thực Phẩm Homefood đang thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	**Giá trị**	**Số lượng**	**Giá trị**
Công ty Cổ phần Ong Trung Ương (a)	429.200	32.857.200.000	429.200	32.857.200.000
Công ty Cổ phần Cơ Khí Ngành In (b)	697.826	8.105.903.217	697.826	8.105.903.217
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Gang Thép Kim Sơn (c)	-	-	5.400.000	128.050.000.000
Công ty Cổ phần Dược Phẩm ECO (d)	-	-	1.200.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Homefood (e)	-	-	297.228	2.972.278.286
Công ty Cổ phần Giải Pháp Phần Mềm Tài Chính (f)	-	-	210.000	2.100.000.000
Cộng		**40.963.103.217**		**189.085.381.503**

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100104757 thay đổi lần thứ 4 ngày 18 tháng 10 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Ong Trung Ương 477.750 cổ phiếu tương ứng quyền biểu quyết là 43,43%. Khoản đầu tư này bao gồm khoản đầu tư trực tiếp của Công ty là 429.200 cổ phiếu (tương ứng 39,02% vốn điều lệ), và số lượng 48.550 cổ phiếu (tương ứng 4,42% vốn điều lệ) do ông Vũ Hiền – chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty – ủy quyền sở hữu để thực hiện các quyền của cổ đông tại Công ty Cổ phần Ong Trung Ương. Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103005788 thay đổi lần thứ 5 ngày 18 tháng 10 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ Khí Ngành In là 419.511 VND cổ phiếu tương ứng 23,31% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đang nắm giữ 697.826 cổ phiếu tương ứng 38,77% vốn điều lệ với giá trị đầu tư là 8.105.903.217 VND.

(c) Trong năm Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Gang Thép Kim Sơn cho Công ty TNHH Một thành viên Tài chính IPA theo kế hoạch cơ cấu lại khoản đầu tư của Công ty.

(d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103022252 thay đổi lần 9 ngày 16 tháng 10 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược Phẩm ECO 1.200.000 cổ phiếu tương ứng 20% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã chuyển nhượng 600.000 cổ phiếu cho Công ty TNHH Một thành viên Tài chính IPA theo kế hoạch cơ cấu lại khoản đầu tư của Công ty. Sau khi chuyển nhượng, Công ty sở hữu 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dược Phẩm ECO nên phân loại thành khoản đầu tư dài hạn khác (xem thuyết minh số V.16).

(e) Khoản đầu tư được phân loại lại thành đầu tư vào Công ty con (xem thuyết minh số V.14).

(f) Trong năm Công ty đã nhận thêm 210.000 cổ phiếu thưởng từ lợi nhuận sau thuế của Công ty Cổ phần Giải Pháp Phần Mềm Tài Chính, nâng số lượng cổ phiếu sở hữu thành 410.000 cổ phiếu. Công ty đã chuyển nhượng 410.000 cổ phiếu này cho Công ty TNHH Một thành viên Tài chính IPA theo kế hoạch cơ cấu lại khoản đầu tư của Công ty.

16. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư vào cổ phiếu các Công ty sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Du Lịch Dịch Vụ Hội An	1.359.475	38.876.032.500	1.359.475	38.876.032.500
Công ty Cổ phần Điện Nông Thôn Trà Vinh	1.075.258	7.596.330.703	1.075.258	7.596.330.703
Công ty Cổ phần Dược Phẩm ECO	600.000	7.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Du Lịch Bình Định	-	-	353.390	4.014.499.798
Công ty Cổ phần Lọc Hóa Dầu Nam Việt	-	-	1.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Nước Khoáng Khánh Hòa	-	-	108.000	1.989.000.720
Cộng		**53.972.363.203**		**62.475.863.721**

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Công ty phân loại khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược Phẩm ECO sang khoản đầu tư dài hạn khác (xem thuyết minh số V.15);

- Công ty chuyển nhượng 350.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Du Lịch Bình Định cho Công ty TNHH Một thành viên Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán IPA theo kế hoạch cơ cấu lại khoản đầu tư của Công ty, 1.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Du Lịch Bình Định cho cá nhân khác, số lượng cổ phiếu còn lại được phân loại sang khoản đầu tư ngắn hạn (xem thuyết minh số V.2);

- Công ty chuyển nhượng 1.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Lọc Hóa Dầu Nam Việt cho Công ty TNHH Một thành viên Tài Chính IPA theo kế hoạch cơ cấu lại khoản đầu tư của Công ty.

- Công ty chuyển nhượng 108.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nước Khoáng Khánh Hòa.

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Khoản dự phòng khoản lỗ của các công ty con, Công ty liên kết tương ứng tỷ lệ sở hữu.Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	53.361.118.422	74.413.049.934
Trích lập dự phòng bổ sung	32.857.559.303	8.016.291.499
Hoàn nhập dự phòng	(34.421.765.060)	(29.068.223.011)
Số cuối năm	**51.796.912.665**	**53.361.118.422**

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	25.660.724	8.575.122
Chi phí phát sinh trong năm	539.398.918	26.035.848
Phân bổ chi phí trong năm	(80.071.760)	(8.950.246)
Số cuối năm	**484.987.882**	**25.660.724**

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho khoản lỗ tính thuế vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

Khoản lỗ tính thuế có khả năng được chuyển tại ngày cuối năm 20.995.997.337 VND, tại ngày đầu năm là 389.274.538VND.

20. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu [(a)]	36.776.100.000	36.776.100.000
Vay ngắn hạn Công ty TNHH Một thành viên Tài chính IPA [(a)]	56.000.681.528	211.570.681.528

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Công ty TNHH MTV Học Viện Tài Chính IPA [(a)]	1.600.000.000	1.600.000.000
Vay ngắn hạn Ông Vũ Hiền [(b)]	49.672.949.048	54.672.949.048
Cộng	**144.049.730.576**	**304.619.730.576**

(a) Khoản vay để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này không tính lãi.

(b) Khoản vay để bổ sung vốn kinh doanh. Từ ngày 01/5/2013 lãi suất tiền vay là 13%/năm, trước đó là 18%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Trả nợ gốc vay bằng tiền	Trả nợ gốc vay bằng cấn trừ công nợ	Số cuối năm
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu	36.776.100.000	-	-	36.776.100.000
Công ty Cổ phần Tài Chính IPA	211.570.681.528		(155.570.000.000)	56.000.681.528
Công ty TNHH MTV Học Viện Tài Chính IPA	1.600.000.000	-	-	1.600.000.000
Ông Vũ Hiền	54.672.949.048	(5.000.000.000)	-	49.672.949.048
Cộng	**304.619.730.576**	**(5.000.000.000)**	**(155.570.000.000)**	**144.049.730.576**

21. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán cho hoạt động đầu tư tài sản	82.470.100	82.470.100
Phải trả người bán cho hoạt động kinh doanh	603.075	120.723.424
Cộng	**83.073.175**	**203.193.524**

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(57.285.419)	-	-	(57.285.419)
Thuế thu nhập cá nhân	318.998.011	318.796.812	(414.228.462)	223.566.361
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	25.907.482	(25.907.482)	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	**261.712.592**	**349.704.294**	**(445.135.944)**	**166.280.942**

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày tại chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp
Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.126.330.966	7.784.371.460
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(22.733.053.765)	(7.002.141.740)
- *Các khoản điều chỉnh tăng*	-	-
- *Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)*	*(22.733.053.765)*	*(7.002.141.740)*
Thu nhập chịu thuế	-	782.229.720
Lỗ được chuyển	-	(782.229.720)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**-**	**-**

Các loại thuế khác
Công ty kê khai và nộp theo quy định.

23. Chi phí phải trả

Chi phí lãi vay phải trả Cổ phần Đầu Tư và Vận Tải Dầu Khí Vinashin.

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	40.134.930	33.334.930
Cổ tức, lợi nhuận phải trả (xem thuyết minh số V.25)	61.191.650.600	37.659.669.600
Ông Nguyễn Thạc Dũng	2.714.079.452	-
Bà Phan Thị Mến	-	2.250.000.000
Ông Vũ Hiền	15.091.390.441	8.217.414.240
- *Lãi vay phải trả*	*14.991.390.441*	*8.117.414.240*
- *Phải trả khác*	*100.000.000*	*100.000.000*
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu – lãi vay phải trả	848.050.079	848.050.079
Các khoản phải trả khác	209.000.000	209.000.000
Cộng	**80.094.305.502**	**49.217.468.849**

25. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	600.000.000.000	370.867.003.490	(35.861.096.800)	100.080.918.529	1.035.086.825.219
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	7.784.371.460	7.784.371.460
Cổ tức năm 2012 phải trả	-	-	-	(46.557.200.000)	(46.557.200.000)
Số dư cuối năm trước	**600.000.000.000**	**370.867.003.490**	**(35.861.096.800)**	**61.308.089.989**	**996.313.996.679**
Số dư đầu năm nay	600.000.000.000	370.867.003.490	(35.861.096.800)	61.308.089.989	996.313.996.679
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	2.126.330.966	2.126.330.966
Cổ tức năm 2013 phải trả	-	-	-	(29.098.250.000)	(29.098.250.000)
Tăng khác	-	-	-	4.800.000	4.800.000
Số dư cuối năm nay	**600.000.000.000**	**370.867.003.490**	**(35.861.096.800)**	**34.340.970.955**	**969.346.877.645**

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	600.000.000.000
Vốn điều lệ đã đầu tư của chủ sở hữu	600.000.000.000
Vốn điều lệ còn phải đầu tư	-

Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Chi trả cổ tức năm 2012	-	8.906.030.400
Chi trả cổ tức năm 2013	5.566.269.000	-
Cộng	**5.566.269.000**	**8.906.030.400**

Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 ngày 31 tháng 7 năm 2014 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2013 bằng tiền với tỷ lệ 5% vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2013. Trong năm 2014 Công ty đã thanh toán cổ tức 5.566.269.000 VND.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 ngày 31 tháng 7 năm 2013 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2012 bằng tiền với tỷ lệ 8% từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2012 và lợi nhuận chưa phân phối của các năm trước. Trong năm 2013 Công ty đã thanh toán cổ tức với số tiền 8.906.030.400 VND.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, cổ tức chưa chi trả cho các cổ đông như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức năm 2007	8.500.000	8.500.000
Cổ tức năm 2012	37.651.169.600	37.651.169.600
Cổ tức năm 2013	23.531.981.000	-
Cộng (xem thuyết minh số V.24)	**61.191.650.600**	**37.659.669.600**

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	(1.803.500)	(1.803.500)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	58.196.500	58.196.500

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu của dịch vụ cho thuê văn phòng.

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của dịch vụ cho thuê văn phòng đã cung cấp.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, tiền cho vay	5.482.674.541	8.847.470.855
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	44.604.558	24.466.600
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.733.053.765	7.002.141.740
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn, dài hạn	10.944.150.530	3.024.000.000
Dịch vụ tư vấn đầu tư	1.875.272.727	-
Cộng	**41.079.756.121**	**18.898.079.195**

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.873.976.201	9.017.290.091
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	1.351.800.360	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	60.659.687.201	26.435.980.701
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(34.497.997.862)	(29.098.900.912)
Chi phí tài chính khác	17.407.524	75.306.411
Cộng	**34.404.873.424**	**6.429.676.291**

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.219.095.927	2.628.224.925
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	46.775.190	71.682.973
Chi phí khấu hao tài sản cố định	705.328.175	514.520.186
Thuế, phí và lệ phí	30.907.482	30.074.037

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.932.592.806	1.922.079.584
Chi phí khác bằng tiền	121.811.952	100.534.012
Cộng	**5.056.511.532**	**5.267.115.717**

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Khấu hao tài sản cố định

	Năm nay	Năm trước
Khấu hao tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.10)	944.706.492	966.144.474
Khấu hao bất động sản đầu tư (xem thuyết minh số V.13)	189.045.216	188.388.210
Chi phí khấu hao không tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	(428.423.533)	(640.012.498)
Cộng	**705.328.175**	**514.520.186**

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104005776 ngày 20 tháng 3 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Học viên IPA 10.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 361.160.000 VND, tương đương 3,6% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Học viện Tài Chính IPA là 9.638.840.000 VND.

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 251031000075 ngày 29 tháng 02 năm 2008 do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Hòa Bình cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Lũng Xuân 36.200.000.000 cổ phiếu, tương đương 40,22% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 8.185.833.730 VND, tương đương 100% vốn điều lệ đã đầu tư, số còn phải đầu tư là 28.014.166.270 VND.

- Theo đăng ký góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Thực Phẩm Homefood đã được Đại hội đồng cổ đông ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Thực Phẩm Homefood thông qua, Công ty đăng ký sở hữu 1.797.228 cổ phiếu tương ứng 17.972.280.000 VND, chiếm tỷ lệ 89,86% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp 9.358.189.397 VND, số còn phải góp là 8.614.090.603 VND (xem thuyết minh số V.14).

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Ông Vũ Hiền		
- Công ty thanh toán nợ gốc vay	5.000.000.000	-
- Công ty phải trả lãi vay	6.873.976.201	8.117.414.240
- Cổ tức ông Vũ Hiền được nhận	14.000	22.400
- Ông Vũ Hiền tạm ứng	514.784.812	553.230.367
- Ông Vũ Hiền hoàn ứng	514.784.812	553.230.367

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Vũ Hiền	64.764.339.489	62.890.363.288
- Gốc vay phải trả (xem thuyết minh số V.20)	49.672.949.048	54.672.949.048
- Lãi vay phải trả (xem thuyết minh số V.24)	14.991.390.441	8.117.414.240
- Phải trả khác (xem thuyết minh số V.24)	100.000.000	100.000.000
Cộng các khoản phải trả	**64.764.339.489**	**62.890.363.288**

Thù lao của Hội đồng quản trị trong năm nay và năm trước là là 300.000.000 VND/năm.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác của Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tài Chính IPA	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng khoán IPA (IPAAM)	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Học Viện IPA	Công ty con
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng Lượng Bắc Hà	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Lũng Xuân	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư Vấn Quản trị Tài chính IPA	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Homefood	Con ty con, Công ty đăng ký sở hữu 89,86% vốn điều lệ, tại ngày 31/12/2014 đang nắm giữ 82,19% vốn điều lệ (xem thuyết minh V.14)
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Vndirect	Công ty không nắm giữ trực tiếp vốn điều lệ nhưng toàn tập đoàn IPA nắm giữ 25,29% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Giải Pháp Phần Mềm Tài Chính	Công ty không nắm giữ trực tiếp vốn điều lệ nhưng toàn tập đoàn IPA 35% vốn điều lệ

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Gang Thép Kim Sơn	Công ty không nắm giữ trực tiếp vốn điều lệ nhưng toàn tập đoàn IPA 76,13% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Cơ Khí Ngành In	Công ty liên kết, Công ty sở hữu 38,77% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Ong Trung Ương	Công ty liên kết, Công ty sở hữu 39,02% vốn điều lệ, tỷ lệ quyền biểu quyết là 43,43% (xem thuyết minh số V.15)
Công ty TNHH Quản Lý Đầu Tư H&H	Cổ đông nắm giữ 31.931.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 53,21% vốn điều lệ của Công ty
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hải Phòng	Cổ đông nắm giữ 9.000.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 15% vốn điều lệ của Công ty

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Tài Chính IPA		
Công ty chuyển nhượng vốn đầu tư, cổ phiếu	155.570.000.000	-
Công ty thanh toán nợ gốc vay bằng cấn trừ nợ phải thu từ giao dịch chuyển nhượng vốn, cổ phiếu	155.570.000.000	-
Công ty thanh toán một phần nợ gốc vay bằng tiền	-	5.302.204.016
Công ty thanh toán nợ gốc vay bằng chuyển giao phần mềm giao dịch bất động sản	-	557.795.984
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán IPA		
Công ty chuyển nhượng 350.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Du Lịch Bình Định, đã nhận tiền	7.000.000.000	-
Công ty IPAAM thông báo chi trả lợi nhuận	13.000.000.000	-
Các khoản IPA chi hộ và phân bổ chi phí	85.321.530	117.271.967
IPAAM trả nợ	94.723.604	121.099.072
Công ty TNHH Một thành viên Học Viện Tài Chính IPA		
Các khoản IPA chi hộ và phân bổ chi phí	2.011.000	-
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu		
Công ty góp bổ sung vốn điều lệ	13.842.210.000	-
Công ty thanh toán hộ chi phí	15.445.720	38.835.650
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu trả tiền	25.538.170	51.618.200
Công ty Cổ phần Năng Lượng Bắc Hà		
Công ty cho vay	-	4.743.936.775
Công ty thu nợ gốc vay	19.400.000.000	25.893.186.894
Lãi cho vay được nhận, đã nhận bằng tiền	3.312.829.286	3.461.695.975

	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay được nhận, nhập nợ gốc vay	-	4.743.936.775
Công ty cho thuê máy đào thủy lực, cho thuê nhà, cho thuê xe ô tô	244.200.000	-
Tiền cho thuê văn phòng	282.385.260	414.357.000
Công ty Cổ phần Năng Lượng Bắc Hà trả tiền	553.934.324	991.085.559
Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Lũng Xuân		
Công ty cho mượn tiền	50.000.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản trị Tài chính IPA		
Công ty thanh toán hộ chi phí	2.011.000	7.511.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản trị Tài chính IPA trả tiền	7.511.000	2.011.000
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Homefood		
Công ty cho vay	3.500.000.000	2.300.000.000
Lãi cho vay được nhận	585.911.111	-
Công ty thanh toán hộ chi phí, phân bổ phí quản lý	192.874.034	181.970.867
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Homefood trả tiền	204.680.155	103.852.944
Công ty góp vốn điều lệ bằng cấn trừ nợ gốc vay, lãi vay phải thu	6.385.911.111	-
Công ty *Cổ phần Giải Pháp Phần Mềm Tài Chính (FSS)*		
Công ty thanh toán hộ chi phí, đã nhận lại bằng tiền	-	2.490.000
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Vndirect (VNDS)		
IPA phải thu phí thuê nhà, chi phí văn phòng, chi phí điện nước	8.500.472.120	7.847.424.358
IPA thu phí thuê nhà, chi phí văn phòng, chi phí điện nước	8.372.270.121	7.888.245.073
IPA gửi tiền hỗ trợ lãi suất tại VNDS	22.500.000.000	3.500.000.000
IPA thu lại khoản tiền gửi	20.000.000.000	3.000.000.000
IPA vay ngắn hạn VNDS (đảm bảo bởi hợp đồng hỗ trợ lãi suất tại VNDS)	-	54.087.711.758
Lãi phải trả trong năm	-	640.714.127
IPA nhận lãi tiền gửi có kỳ hạn từ VNDS	185.929.614	19.179.934
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Gang Thép Kim Sơn		
Công ty cho vay bằng tiền	-	830.000.000
Công ty nhận lại tiền cho vay bằng tiền	92.500.000	-
Công ty nhận lại tiền cho vay bằng tài sản	-	2.580.000.000

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cơ Khí Ngành In		
Công ty nhận lại tiền cho vay	-	500.000.000
Lãi cho vay được nhận trong năm	-	35.583.333
Công ty Cổ phần Ong Trung Ương		
Công ty thuê văn phòng	368.290.909	218.400.000
Công ty trả tiền thuê nhà	229.320.000	156.520.000
Công ty Cổ phần Dược Phẩm ECO		
Công ty nhận cổ tức	4.800.000.000	-
Công ty TNHH Quản Lý Đầu Tư H&H		
Cổ tức Công ty TNHH Quản Lý Đầu Tư H&H được nhận	14.965.500.000	23.944.800.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hải Phòng		
Công ty cho vay	5.823.725.000	-
Công ty nhận lại tiền gốc vay	4.823.725.000	-
Lãi cho vay được nhận	174.183.333	-
Cổ tức Công ty Cổ phần Đầu Tư Hải Phòng được nhận	4.500.000.00	7.200.000.000

Các khoản vay từ các Công ty con (xem thuyết minh số V.20) không có lãi suất. Khoản cho Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Gang Thép Kim Sơn vay chưa ghi nhận lãi vì không chắc chắn có thể thu được lãi (khoản cho vay đang được lập dự phòng nợ phải thu khó đòi – xem thuyết minh số V.3).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán IPA	13.000.000.000	9.402.076
- *Lợi nhuận được chia*	*13.000.000.000*	-
- *Phải thu khác*	-	*9.402.076*
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu	-	10.092.450
Công ty Cổ phần Năng Lượng Bắc Hà	11.581.923.233	31.025.772.297
- *Khoản cho vay*	*11.581.923.233*	*30.981.923.233*
- *Phải thu khách hàng*	-	*16.500.000*
- *Phải thu khác*	-	*27.349.064*
Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Lũng Xuân	1.502.193.209	1.452.193.209
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Gang Thép Kim Sơn - phải thu gốc vay	95.275.228.000	95.367.728.000
Công ty Cổ phần Tư Vấn Quản Trị Tài Chính IPA	-	5.500.000
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Homefood	9.145.720	2.370.543.508
- *Gốc vay*	-	*2.300.000.000*
- *Phải thu khác*	*9.145.720*	*70.543.508*
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Vndirect - các khoản phải thu khác	771.300.056	641.181.389

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cơ Khí Ngành In - chi phí thực hiện dự án tòa nhà văn phòng tại 90 Pasteur - Q1-Tp HCM	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hải Phòng – khoản cho vay	1.000.000.000	-
Cộng các khoản phải thu	**124.939.790.218**	**132.682.412.929**
Công ty TNHH Một thành viên Tài Chính IPA - gốc vay	56.000.681.528	211.570.681.528
Công ty TNHH Một thành viên Học Viện IPA - gốc vay	1.600.000.000	1.600.000.000
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu	37.624.150.079	37.624.150.079
- *Gốc vay*	*36.776.100.000*	*36.776.100.000*
- *Lãi vay*	*848.050.079*	*848.050.079*
Công ty TNHH Quản Lý Đầu Tư H&H – cổ tức phải trả	41.510.300.000	25.544.800.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hải Phòng – cổ tức phải trả	11.700.000.000	7.200.000.000
Cộng các khoản phải trả	**148.435.131.607**	**283.539.631.607**

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Khoản nợ gốc vay phải thu Cổ phần Khoáng Sản và Gang Thép Kim Sơn đang được lập dự phòng (xem thuyết minh số V.3)

3. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là đầu tư tài chính và trong một khu vực địa lý là thành phố Hà Nội.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và phải thu.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Hội đồng quản trị không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay và phải thu

Công ty cho các công ty con, công ty liên kết, các bên liên quan khác và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Rủi ro tín dụng đối với khoản cho Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Gang Thép

Kim Sơn là cao, các đơn vị và cá nhân khác đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay và phải thu đối với các đơn vị này là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.353.344.526	-	20.353.344.526
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	27.150.328	606.085.002	633.235.330
Phải thu khách hàng	-	-	-
Các khoản cho vay	13.031.923.233	95.608.676.513	108.640.599.746
Các khoản phải thu khác	15.427.480.226	39.500.000.000	54.927.480.226
Cộng	**48.839.898.313**	**135.714.761.515**	**184.554.659.828**
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.358.483.842	-	9.358.483.842
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	606.085.002	606.085.002
Phải thu khách hàng	16.500.000	-	16.500.000
Các khoản cho vay	35.531.923.233	95.701.176.513	131.233.099.746
Các khoản phải thu khác	2.399.477.473	39.500.000.000	41.899.477.473
Cộng	**47.306.384.548**	**135.807.261.515**	**183.113.646.063**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Toàn bộ các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) đều có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống.

Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	159.115.047.128	312.811.070.927
Phải trả người bán	83.073.175	203.193.524
Các khoản phải trả khác	65.062.780.131	41.066.719.679
Cộng	**224.260.900.434**	**354.080.984.130**

Hội đồng quản trị cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Ngoài ra, Công ty còn nhận được cam kết hỗ trợ tài chính từ Công ty TNHH Quản Lý Đầu Tư H&H, ông Vũ Hiền và các công ty khác trong cùng tập đoàn bằng cách không yêu cầu Công ty hoàn trả tiền các khoản nợ đến hạn cho đến khi Công ty có khả năng trả nợ.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty là rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Hội đồng quản trị đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do phần lớn khoản đầu tư của Công ty là đầu tư dài hạn.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.353.344.526	-	9.358.483.842	-	20.353.344.526	9.358.483.842
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	633.235.330	162.061.700	606.085.002	(238.294.502)	795.297.030	367.790.500
Phải thu khách hàng	-	-	16.500.000	-	-	16.500.000
Các khoản cho vay	108.640.599.746	(91.997.676.513)	131.233.099.746	(61.859.809.600)	16.642.923.233	69.373.290.146
Các khoản phải thu khác	54.927.480.226	(39.500.000.000)	41.899.477.473	(39.500.000.000)	15.427.480.226	2.399.477.473
Cộng	**184.554.659.828**	**(131.335.614.813)**	**183.113.646.063**	**(101.598.104.102)**	**53.219.045.015**	**81.515.541.961**

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	**Số đầu năm**	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
Vay và nợ	159.115.047.128	312.811.070.927	159.115.047.128	312.811.070.927
Phải trả người bán	83.073.175	203.193.524	83.073.175	203.193.524
Các khoản phải trả khác	65.062.780.131	41.066.719.679	65.062.780.131	41.066.719.679
Cộng	**224.260.900.434**	**354.080.984.130**	**224.260.900.434**	**354.080.984.130**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Lập, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Phan Thị Mến	**Nguyễn Thị Thanh Thủy**	**Vũ Hiền**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Chủ tịch Hội đồng quản trị**
		Người đại diện theo pháp luật